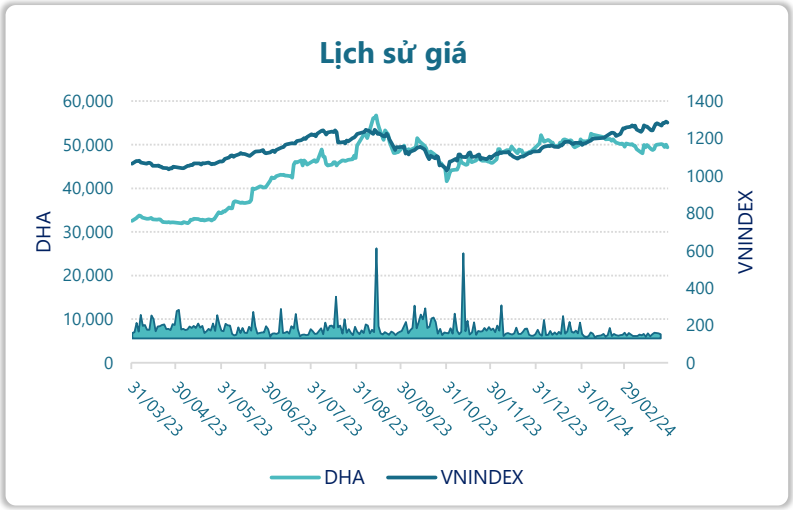
FireAnt

CTCP Hóa An (HSX: DHA)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**49,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	56,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	31,955
SL cổ phiếu LH	14,726,073
KLGD BQ 20 phiên (CP)	101,895
% sở hữu nước ngoài	12.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	727
P/E	8.1
EPS	6,063

DT thuần

Q1/24

81.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼28.5| -25.9%

YoY: ▲ 6.30| 8.4%

LN sau thuế

Q1/24

8.78

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.32| -51.5%

YoY: ▼6.62| -43.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

29.3%

+/- YoY: ▲ 12.4%

DT thuần

2023

375

tỷ VNĐ

YoY: ▼13.0| -3.2%

LN sau thuế

2023

87.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 34.8| 66.3%

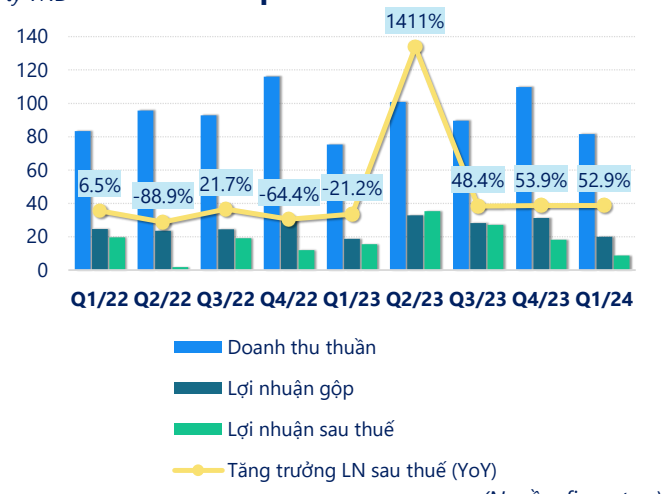
ROE

2023

20.4%

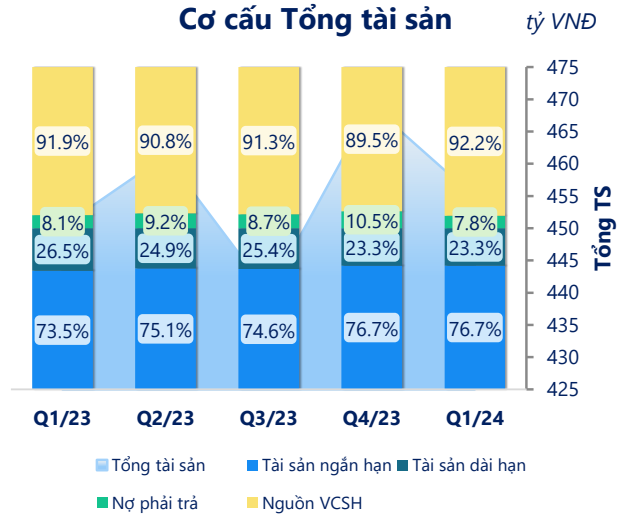
+/- YoY: ▲ 8.9%

Kết quả kinh doanh



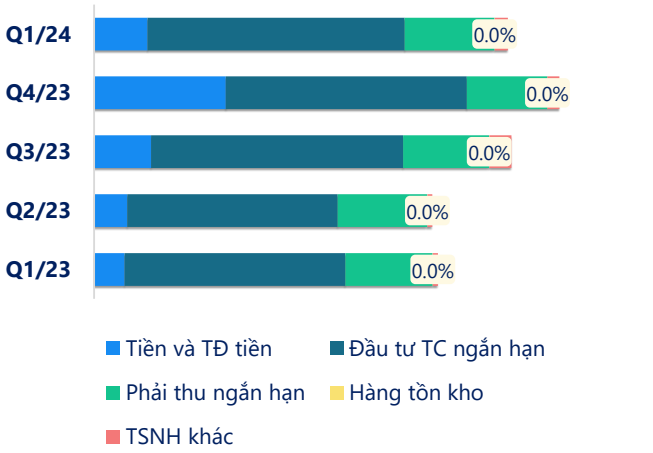
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



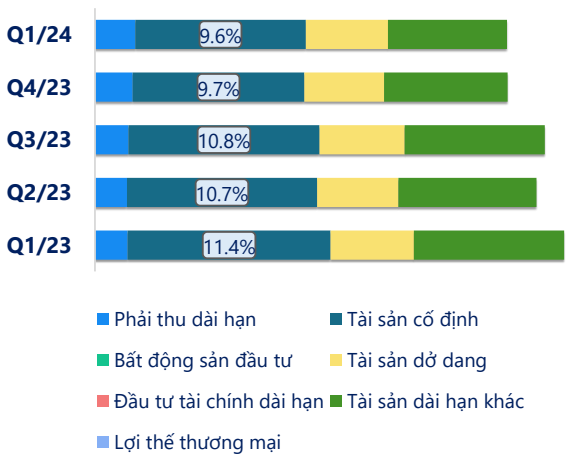
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



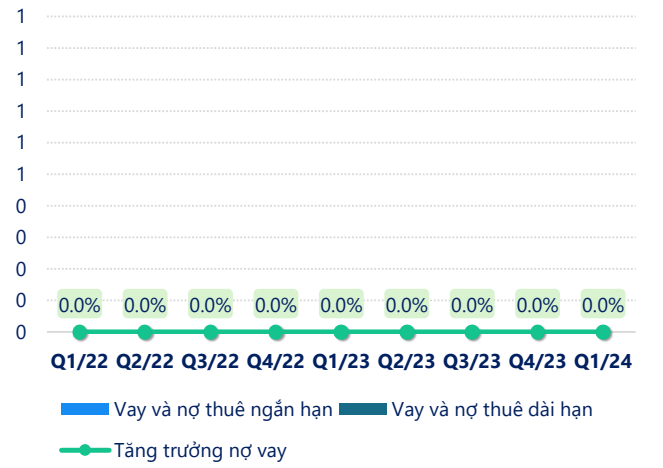
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



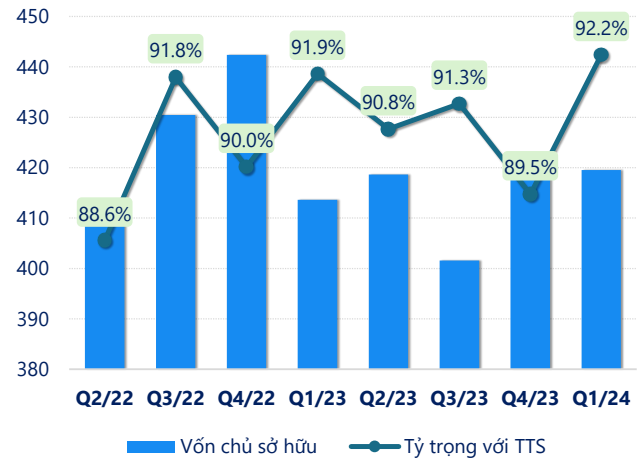
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



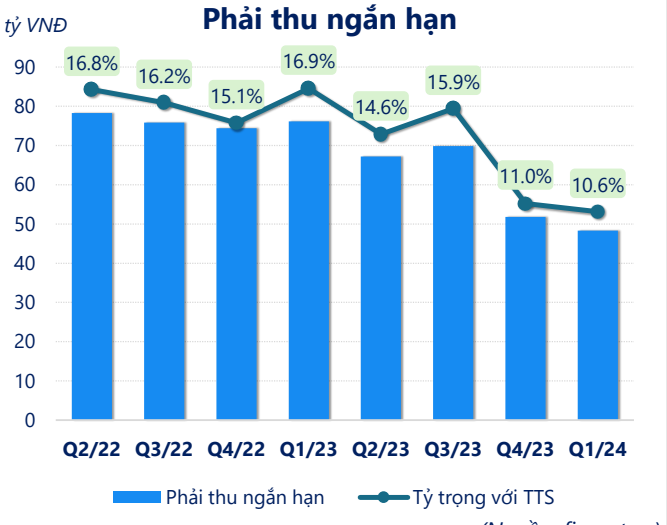
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



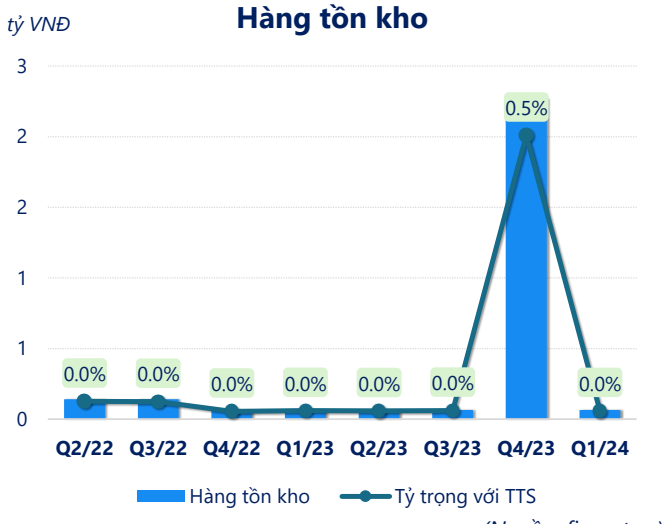
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



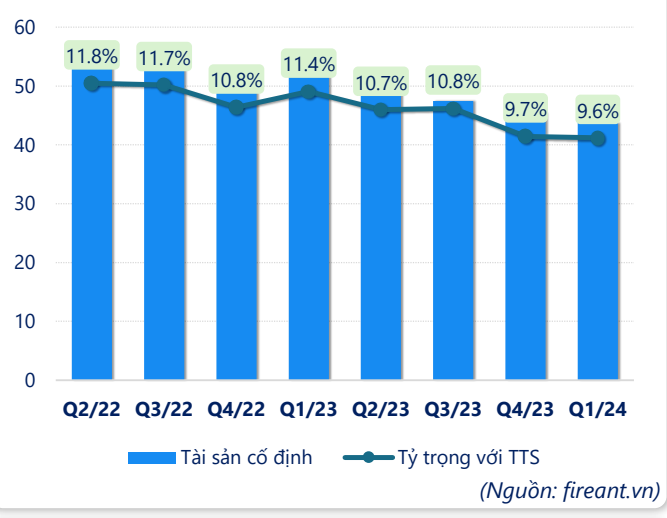
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



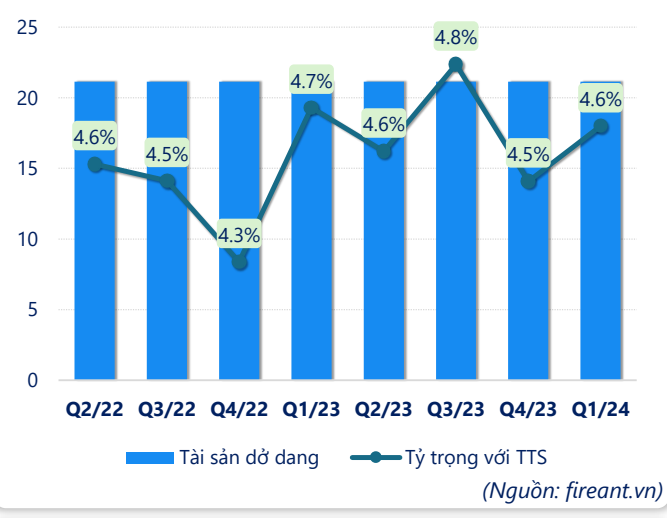
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



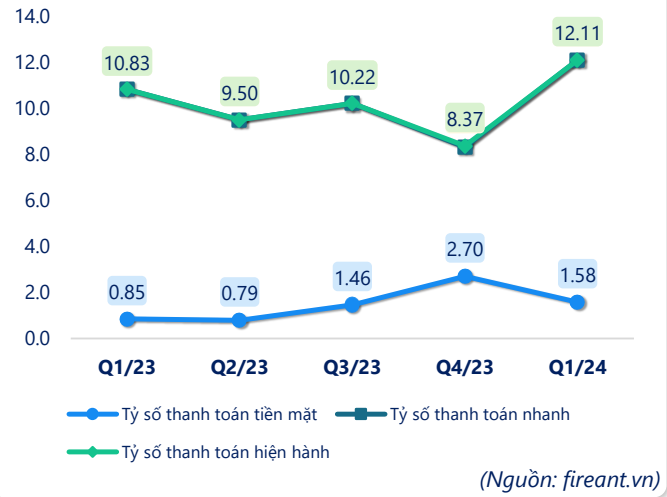
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



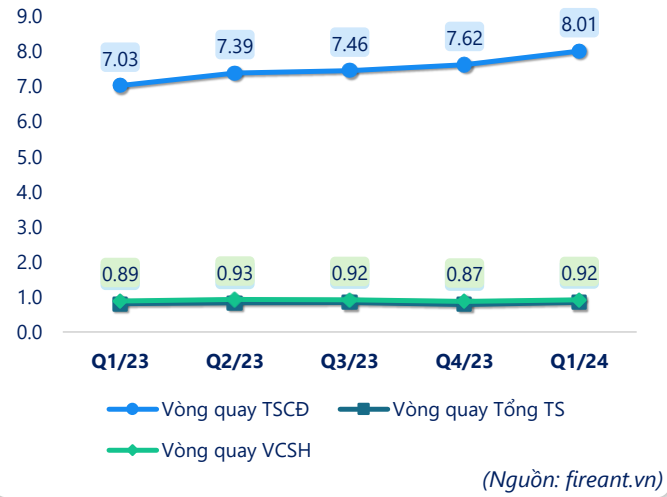
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**450**	**461**	**440**	**469**	**455**
Tài sản ngắn hạn	**331**	**346**	**328**	**360**	**349**
Tiền và tương đương tiền	25.9	28.8	47.0	116	45.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	218	239	203	187	246
Phải thu ngắn hạn	76.1	67.2	69.9	51.8	48.3
Hàng tồn kho	0.06	0.06	0.06	2.26	0.06
Tài sản ngắn hạn khác	11.1	10.9	7.96	2.97	9.39
Tài sản dài hạn	**119**	**115**	**112**	**109**	**106**
Phải thu dài hạn	8.30	8.30	8.30	10.0	10.3
Tài sản cố định	51.5	49.5	47.4	45.4	43.7
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	21.1	21.1	21.1	21.1	21.1
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	38.2	36.0	34.8	32.7	30.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**36.6**	**42.6**	**38.4**	**49.4**	**35.3**
Nợ ngắn hạn	**30.6**	**36.4**	**32.1**	**43.0**	**28.8**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	9.41	9.72	8.01	10.5	9.75
Nợ dài hạn	6.05	6.16	6.27	6.40	6.47
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**414**	**419**	**402**	**420**	**420**
Vốn chủ sở hữu	**414**	**419**	**402**	**420**	**420**
Vốn điều lệ	151	151	151	151	151
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)